

Số: 2446 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 30 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quy trình giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản, quản lý chất lượng công trình xây dựng, hàng hải và đường thủy nội địa, đường sắt, đường bộ thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Xây dựng tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2212/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngành Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2213/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định về phân quyền, phân cấp thuộc phạm vi quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 2214/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hàng hải và đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý của ngành Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2273/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường sắt, đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Xây dựng tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 140/TTr-SXD và Tờ trình số 141/TTr-SXD ngày 27 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản, quản lý chất lượng công trình xây dựng, hàng hải và đường thủy nội địa, đường sắt, đường bộ thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Xây dựng tỉnh Đồng Nai (*Phụ lục Danh mục và nội dung quy trình kèm theo*), cụ thể:

1. Quy trình giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung: cấp tỉnh (26 quy trình); cấp xã (12 quy trình).

2. Quy trình TTHC thay thế cấp tỉnh: 02 quy trình.

Trường hợp các quy trình giải quyết thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2025, các nội dung khác đã được phê duyệt tại Quyết định số 3860/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 và Quyết định số 3570/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức quán triệt, triển khai tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo quy định cho cá nhân, tổ chức theo quy trình nội bộ, quy trình điện tử đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện cấu hình nội dung quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, gỡ bỏ các quy trình giải quyết TTHC bị thay thế trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. Sở Xây dựng chủ trì phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nộp hồ sơ kiểm thử trên cổng dịch vụ công quốc gia để cung cấp Sở Khoa học và Công nghệ mã số hồ sơ kiểm thử phục vụ kết nối, đồng bộ dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, HCTC, HCC.



Võ Tấn Đức

Phụ lục

**QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC
NHÀ Ở, KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG
TRÌNH XÂY DỰNG, HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA, ĐƯỜNG SẮT,
ĐƯỜNG BỘ, HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA NGÀNH XÂY DỰNG TỈNH ĐỒNG NAI**



*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

Phần I

DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ

A. QUY TRÌNH TTHC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP TỈNH

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ	Tình trạng cấu hình phần mềm
I. LĨNH VỰC KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN					
1	1.012906	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.	10 ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả thi sát hạch đạt.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung
2	1.012907	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ bị cháy, bị mất, bị rách, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung
3	1.012910	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ cũ đã hết hạn hoặc gần hết hạn).	10 ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả thi sát hạch đạt.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ	Tình trạng cấu hình phần mềm
II. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG					
1	1.009794	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương.	30 ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt và 20 ngày đối với công trình còn lại kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung
2	1.009788	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh.	14 ngày kể từ ngày tiếp nhận báo cáo kết quả đánh giá an toàn công trình.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung
3	1.009791	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	14 ngày kể từ ngày tiếp nhận báo cáo kết quả thực hiện công việc của Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung
III. LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA					
1	1.003135	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	05 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia hoặc hình thức phù hợp khác	Sửa đổi, bổ sung
2	1.004261	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới	03 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh	Sửa đổi, bổ sung

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ	Tình trạng cấu hình phần mềm
				- Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia.	
3	1.004259	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới	03 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung
4	1.003640	Gia hạn thời gian lưu lại lãnh thổ Việt Nam cho phương tiện vận tải thủy của Campuchia	- 01 (một) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định; - Trường hợp không gia hạn phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung
5	2.000795	Đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo	03 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản trả lời của Cảng vụ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung
6	1.004088	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có).	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ	Tình trạng cấu hình phần mềm
7	1.004047	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có).	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung
8	1.004036	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có).	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung
9	2.001711	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có).	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung
10	1.004002	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có).	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung
11	1.003970	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi	02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh - Qua dịch vụ Bru chính công ích.	Sửa đổi, bổ sung

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ	Tình trạng cấu hình phần mềm
		cơ quan đăng ký phương tiện	thành nghĩa vụ tài chính (nếu có).	- Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia.	
12	1.006391	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có).	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung
13	1.003930	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có).	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung
14	2.001659	Xóa đăng ký phương tiện	02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có).	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung
IV. LĨNH VỰC ĐƯỜNG SẮT					
1	1.005126	Cấp giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ	Tình trạng cấu hình phần mềm
2	1.000294	Bãi bỏ đường ngang	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung
3	1.005058	Gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung
V. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ					
1	1.001046	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung
2	1.001061	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung
3	1.013061	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung

B. QUY TRÌNH TTHC THAY THẾ CẤP TỈNH

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ	Tình trạng cấu hình
I. LĨNH VỰC NHÀ Ở					
1	- Mã số TTHC mới (1.013769); - Thay thế các mã số TTHC cũ (1.012877; 1.012878; 1.012879)	Chuyển đổi công năng nhà ở không thuộc tài sản công	Không quá 30 ngày	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia.	Thay thế
II. LĨNH VỰC KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN					
1	- Mã số TTHC mới (1.013777); - Thay thế các mã số TTHC cũ (1.012909; 1.012911)	Cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia	Thay thế

C. QUY TRÌNH TTHC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP XÃ

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ	Tình trạng cấu hình
I. LĨNH VỰC NHÀ Ở					
1	1.012888	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã. - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia	Sửa đổi, bổ sung
II. LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA					
1	1.004088	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có).	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công xã - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung
2	1.004047	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện	02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công xã - Qua dịch vụ Bru chính công ích.	Sửa đổi, bổ sung

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ	Tình trạng cấu hình
		đang khai thác trên đường thủy nội địa	tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có).	- Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia.	
3	1.004036	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có).	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công xã - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung
4	2.001711	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có).	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công xã - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung
5	1.004002	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có).	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công xã - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung
6	1.003970	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có).	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công xã - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung
7	1.006391	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp	02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công xã	Sửa đổi, bổ sung

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ	Tình trạng cấu hình
		hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có).	- Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia.	
8	1.003930	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có).	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công xã - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung
9	2.001659	Xóa đăng ký phương tiện	02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có).	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công xã - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung
10	1.005040	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	Không quá 02 (hai) giờ làm việc, kể từ khi đã nhận đủ các giấy tờ hợp lệ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công xã - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung
III. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ					
1	1.013061	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công xã - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến Qua Cổng DVC quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung



1
Phần II
NỘI DUNG QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC NHÀ Ở, KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG, HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA, ĐƯỜNG SẮT, ĐƯỜNG BỘ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ SỬA ĐỔI BỔ SUNG CẤP TỈNH

Các bước	Trình tự thực hiện	Đơn vị giải quyết TTTC	Thời gian giải quyết TTTC	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
1. LĨNH VỰC KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN					
1. Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản. 1.012906 - Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,5 ngày làm việc	200.000 đồng	
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng Quản lý chất lượng xây dựng	01 ngày làm việc		
Bước 3	Đánh giá năng lực và trình phê duyệt	Hội đồng xét cấp chứng chỉ (phòng quản lý chất lượng xây dựng)	07 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,5 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân và thu phí)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			10 ngày làm việc		
2. Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ bị cháy, bị mất, bị rách, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác). 1.012907 - Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,5 ngày làm việc		

Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng Quản lý chất lượng xây dựng	01 ngày làm việc	200.000 đồng	
Bước 3	Đánh giá năng lực và trình phê duyệt	Hội đồng xét cấp chứng chỉ (phòng quản lý chất lượng xây dựng)	07 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,5 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân và thu phí)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			10 ngày làm việc		

3. Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ cũ đã hết hạn hoặc gần hết hạn) 1.012910 - Toàn trình

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,5 ngày làm việc		
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng Quản lý chất lượng xây dựng	01 ngày làm việc		
Bước 3	Đánh giá năng lực và trình phê duyệt	Hội đồng xét cấp chứng chỉ (phòng quản lý chất lượng xây dựng)	07 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc	200.000 đồng	
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,5 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân và thu phí)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			10 ngày làm việc		

II. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

1. Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương 1.009794.000.00.00.H19 – Một phần- Công trình cấp I

a) Đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,5 ngày		
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng Quản lý chất lượng xây dựng	01 ngày		
Bước 3	Kiểm tra hiện trạng, kiểm tra hồ sơ chất lượng công trình và trình phê duyệt	Chuyên viên	26 ngày		
Bước 4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	02 ngày		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,5 ngày (Không tính thời gian chờ trả dân)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			30 ngày		
b) Đối với công trình còn lại					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,5 ngày		
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng Quản lý chất lượng xây dựng	01 ngày		
Bước 3	Kiểm tra hiện trạng, kiểm tra hồ sơ chất lượng công trình và trình phê duyệt	Chuyên viên	17 ngày		
Bước 4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	01 ngày		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,5 ngày (Không tính thời gian chờ trả dân)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			20 ngày		
2. Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh 1.009.788 – Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,5 ngày	Không có	

Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng Quản lý chất lượng xây dựng	01 ngày		
Bước 3	Tổ chức kiểm tra hồ sơ, hiện trạng công trình; dự thảo tờ trình và văn bản kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Chuyên viên phòng quản lý chất lượng xây dựng	07 ngày		
Bước 4	Xem xét, ban hành văn bản kết quả giải quyết thủ tục hành chính	UBND tỉnh	04 ngày		
Bước 5	Số hóa hoàn thành hồ sơ	Phòng quản lý chất lượng xây dựng	01 ngày		
Bước 6	Trà kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,5 ngày (Không tính thời gian chờ trả dân)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			14 ngày		

3. Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ). 1.009791 – Một phần

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,5 ngày		
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng Quản lý chất lượng xây dựng	01 ngày		
Bước 3	Tổ chức kiểm tra hồ sơ, hiện trạng công trình; dự thảo tờ trình và văn bản kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Chuyên viên phòng quản lý chất lượng xây dựng	07 ngày	Không có	
Bước 4	Xem xét, ban hành văn bản kết quả giải quyết thủ tục hành chính	UBND tỉnh	04 ngày		

Bước 5	Số hóa hoàn thành hồ sơ	Phòng quản lý chất lượng xây dựng	01 ngày		
Bước 6	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0.5 ngày (Không tính thời gian chờ trả dân)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			14 ngày		

III. LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

1. Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn. Mã thủ tục: 1.003135.000.00.00.H19 – Một phần

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,25 ngày làm việc	- Cấp mới, cấp lại chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng; 50.000 đồng/giấy;	
Bước 2	Thẩm duyệt	Phòng Quản lý vận tải Phương tiện và người lái	3,5 ngày làm việc		
Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Xây dựng	01 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,25 ngày làm việc làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân và thu phí)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			05 ngày làm việc		

2. Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới. Mã thủ tục: 1.004261.000.00.00.H19 – Một phần

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,25 ngày làm việc		
Bước 2	Thẩm duyệt	Phòng Quản lý vận tải Phương	02 ngày làm việc	Không có	

		tiện và người lái			
Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Xây dựng	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,25 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân và thu phí)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			03 ngày làm việc		

3. **Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới. Mã thủ tục: 1.004259.000.00.00.H19 – Một phần**

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,25 ngày làm việc		
Bước 2	Thẩm duyệt	Phòng Quản lý vận tải Phương tiện và người lái	02 ngày làm việc		
Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Xây dựng	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,25 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân)	Không có	
Tổng cộng thời gian giải quyết			03 ngày làm việc		

4. **Gia hạn thời gian lưu lại lãnh thổ Việt Nam cho phương tiện vận tải thủy của Campuchia. Mã thủ tục: 1.003640.000.00.00.H19 – Một phần**

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,125 ngày làm việc		
Bước 2	Thẩm duyệt	Phòng Quản lý vận tải Phương tiện và người lái	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Xây dựng	0,25 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,125 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân)	Không có	
Tổng cộng thời gian giải quyết			01 ngày làm việc		

5. **Đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo. Mã thủ tục: 2.000795.000.00.00.H19 – Một**

phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,25 ngày làm việc	Không có	
Bước 2	Thẩm duyệt	Phòng Quản lý vận tải Phương tiện và người lái	02 ngày làm việc		
Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Xây dựng	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,25 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			03 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản trả lời của Cảng vụ		
6. Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa. Mã thủ tục: 1.004088.000.00.00.H19 – Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,25 ngày làm việc	70.000 đồng/giấy	
Bước 2	Thẩm duyệt	Phòng Quản lý vận tải Phương tiện và người lái	01 ngày làm việc		
Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Xây dựng	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,25 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân và thu phí)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			02 ngày làm việc		
7. Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa. Mã thủ tục: 1.004047.000.00.00.H19 – Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,25 ngày làm việc	70.000 đồng/giấy	
Bước 2	Thẩm duyệt	Phòng Quản lý vận tải Phương tiện và người lái	01 ngày làm việc		

Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Xây dựng	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,25 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân và thu phí)		
Tổng cộng thời gian giải quyết					
02 ngày làm việc					
8. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa. Mã thủ tục: 1.004036.000.00.00.H19 – Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,25 ngày làm việc		
Bước 2	Thẩm duyệt	Phòng Quản lý vận tải Phương tiện và người lái	01 ngày làm việc		
Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Xây dựng	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,25 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân và thu phí)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			02 ngày làm việc	70.000 đồng/giấy	
9. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật. Mã thủ tục: 2.001711.000.00.00.H19 – Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,25 ngày làm việc		
Bước 2	Thẩm duyệt	Phòng Quản lý vận tải Phương tiện và người lái	01 ngày làm việc		
Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Xây dựng	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,25 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân và thu phí)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			02 ngày làm việc	70.000 đồng/giấy	

10. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện. Mã thủ tục: 1.004002.000.00.00.H19 – Một phần

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,25 ngày làm việc	70.000 đồng/giấy	
Bước 2	Thẩm duyệt	Phòng Quản lý vận tải Phương tiện và người lái	01 ngày làm việc		
Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Xây dựng	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,25 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân và thu phí)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			02 ngày làm việc		

11. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện. Mã thủ tục: 1.003970.000.00.00.H19 – Một phần

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,25 ngày làm việc	70.000 đồng/giấy	
Bước 2	Thẩm duyệt	Phòng Quản lý vận tải Phương tiện và người lái	01 ngày làm việc		
Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Xây dựng	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,25 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân và thu phí)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			02 ngày làm việc		

12. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác. Mã thủ tục: 1.006391.000.00.00.H19 – Một phần

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,25 ngày làm việc	70.000 đồng/giấy	
Bước 2	Thẩm duyệt	Phòng Quản lý vận tải Phương tiện và người lái	01 ngày làm việc		
Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Xây dựng	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,25 ngày		

			làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân và thu phí)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			02 ngày làm việc		
13. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện. Mã thủ tục: 1.003930.000.00.00.H19 – Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,25 ngày làm việc	70.000 đồng/giấy Sử a đời, bỏ sung	
Bước 2	Thẩm duyệt	Phòng Quản lý vận tải Phương tiện và người lái	01 ngày làm việc		
Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Xây dựng	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,25 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân và thu phí)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			02 ngày làm việc		
14. Xóa đăng ký phương tiện. Mã thủ tục: 2.001659.000.00.00.H19 – Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,25 ngày làm việc	Không có	
Bước 2	Thẩm duyệt	Phòng Quản lý vận tải Phương tiện và người lái	01 ngày làm việc		
Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Xây dựng	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,25 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			02 ngày làm việc		
IV. LĨNH VỰC ĐƯỜNG SẮT					
1. Cấp giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang. Mã thủ tục: 1.005126- Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận	0,5 ngày làm việc	Không có	

Bước 2	Giải quyết hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý kết cấu và ATGT	06 ngày làm việc		
Bước 3	Ký trình	Lãnh đạo Phòng	01 ngày làm việc		
Bước 4	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	02 ngày làm việc		
Bước 5	trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,5 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			10 ngày làm việc		

2. Bãi bỏ đường ngang. Mã thủ tục-1.000294. Một phần

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận	0,5 ngày làm việc	Không có	
Bước 2	Giai quyết hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý kết cấu và ATGT	04 ngày làm việc		
Bước 3	Ký trình	Lãnh đạo Phòng	01 ngày làm việc		
Bước 4	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc		
Bước 5	trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,5 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			07 ngày làm việc		

3. Gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang. Mã thủ tục - 1.005058. Một phần

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận	0,5 ngày làm việc	Không có	
Bước 2	Giải quyết hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý kết cấu và ATGT	01 ngày làm việc		
Bước 3	Ký trình	Lãnh đạo Phòng	0,5 ngày làm việc		

Bước 4	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,5 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			03 ngày làm việc		

V. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ

1. Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác. Mã thủ tục-1.001046- Một phần

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận	0,5 ngày làm việc	Không có	
Bước 2	Giải quyết hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý kết cấu và ATGT	04 ngày làm việc		
Bước 3	Ký trình	Lãnh đạo Phòng	01 ngày làm việc		
Bước 4	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc		
Bước 5	Nhận và trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,5 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			07 ngày làm việc		

2. Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác. Mã thủ tục- 1.001061 - Một phần

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận	0,5 ngày làm việc	Không có	
Bước 2	Giải quyết hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý kết cấu và ATGT	04 ngày làm việc		
Bước 3	Ký trình	Lãnh đạo Phòng	01 ngày làm việc		
Bước 4	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc		
Bước 5	trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,5 ngày làm việc (Không tính		

			thời gian chờ trả dân)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			03 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản trả lời của Cảng vụ		
3. Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác. Mã thủ tục-1.013061- Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận	0,5 ngày làm việc	Không có	
Bước 2	Giải quyết hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý kết cấu và ATGT	04 ngày làm việc		
Bước 3	Ký trình	Lãnh đạo Phòng	01 ngày làm việc		
Bước 4	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc		
Bước 5	trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,5 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			07 ngày làm việc		

B. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ CẤP TỈNH

Các bước	Trình tự thực hiện	Đơn vị giải quyết tthc	Thời gian giải quyết tthc	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
I. LĨNH VỰC NHÀ Ở					
1. Chuyển đổi công năng nhà ở không thuộc tài sản công- Mã thủ tục: 1.013769- Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,5 ngày	Không có	
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng Quản lý Nhà và Thị trường bất động sản	0,5 ngày		
Bước 3	Thẩm định, lấy ý kiến các cơ quan có liên quan.	Chuyên viên	23,5 ngày		

	Trình lãnh đạo Sở xem xét trình UBND tỉnh			
Bước 4	Phê duyệt Văn bản chấp thuận hoặc văn bản trả lời không đủ điều kiện xem xét	UBND tỉnh	04 ngày	
Bước 5	Số hóa hoàn thành hồ sơ	Phòng Quản lý Nhà và Thị trường bất động sản	01 ngày	
Bước 6	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,5 ngày (Không tính thời gian chờ trả dân)	
Tổng cộng thời gian giải quyết				

II. LĨNH VỰC KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

1. Cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản. 1.013777- Một phần

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,5 ngày	Không có	
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng Quản lý Nhà và Thị trường bất động sản	0,5 ngày		
Bước 3	Thẩm định, lấy ý kiến các cơ quan có liên quan. Trình lãnh đạo Sở xem xét trình UBND tỉnh	Chuyên viên	13,5 ngày		
Bước 4	Phê duyệt Văn bản chấp thuận hoặc văn bản trả lời không đủ điều kiện xem xét	UBND tỉnh	04 ngày		
Bước 5	Số hóa hoàn thành hồ sơ	Phòng Quản lý Nhà và Thị trường bất động sản	01 ngày		
Bước 6	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,5 ngày (Không tính thời gian chờ trả dân)		
Tổng cộng thời gian giải quyết				20 ngày	

B. QUY TRÌNH THHC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP XÃ

Các bước	Trình tự thực hiện	Đơn vị giải quyết tthc	Thời gian giải quyết tthc	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
----------	--------------------	------------------------	---------------------------	-------------------	---------

I. LĨNH VỰC NHÀ Ở

1. Công nhận Ban quản trị nhà chung cư. Mã thủ tục: 1.012888- Toàn trình

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,5 ngày làm việc	Không có	
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng Kinh tế hoặc kinh tế, hạ tầng và đô thị	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Thẩm định và trình phê duyệt	Chuyên viên	03 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt	UBND cấp xã	1,5 ngày làm việc		
Bước 5	Số hóa hoàn thành hồ sơ	phòng Kinh tế hoặc kinh tế, hạ tầng và đô thị	01 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,5 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân và thu phí)		
Tổng thời gian giải quyết			07 ngày làm việc		

II. LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

1. Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa. Mã thủ tục: 1.004088- Một phần

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,25 ngày làm việc	70.000 đồng/giấy	
Bước 2	Thẩm duyệt	Phòng Kinh tế hoặc kinh tế, hạ tầng và đô thị	01 ngày làm việc		
Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo UBND xã	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,25 ngày làm việc (Không tính thời		

			gian chờ trả dân và thu phí)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			02 ngày làm việc		

2. Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa. Mã thủ tục: 1.004047– Một phần

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,25 ngày làm việc	70.000 đồng/giấy	
Bước 2	Thẩm duyệt	Phòng Kinh tế hoặc kinh tế, hạ tầng và đô thị	01 ngày làm việc		
Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo UBND xã	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,25 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân và thu phí)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			02 ngày làm việc		

3. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa. Mã thủ tục: 1.004036 – Một phần

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,25 ngày làm việc	70.000 đồng/giấy	
Bước 2	Thẩm duyệt	Phòng Kinh tế hoặc kinh tế, hạ tầng và đô thị	01 ngày làm việc		
Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo UBND xã	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,25 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân và thu phí)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			02 ngày làm việc		

4. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật. Mã thủ tục: 2.001711– Một

phần

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,25 ngày làm việc	70.000	
Bước 2	Thẩm duyệt	Phòng Kinh tế hoặc kinh tế, hạ tầng và đô thị	01 ngày làm việc	đồng/giấy	
Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo UBND xã	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,25 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân và thu phí)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			02 ngày làm việc		

5. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện. Mã thủ tục: 1.004002 – Một phần

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,25 ngày làm việc	70.000 đồng/giấy	
Bước 2	Thẩm duyệt	Phòng Kinh tế hoặc kinh tế, hạ tầng và đô thị	01 ngày làm việc		
Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo UBND xã	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,25 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân và thu phí)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			02 ngày làm việc		

6. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện. Mã thủ tục: 1.003970 – Một phần

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,25 ngày làm việc	70.000	
Bước 2	Thẩm duyệt	Phòng Kinh tế hoặc kinh tế, hạ tầng và đô thị	01 ngày làm việc	đồng/giấy	

Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo UBND xã	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Trà kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,25 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân và thu phí)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			02 ngày làm việc		

7. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác. Mã thủ tục: 1.006391– Một phần

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,25 ngày làm việc		
Bước 2	Thẩm duyệt	Phòng Kinh tế hoặc kinh tế, hạ tầng và đô thị	01 ngày làm việc	70.000 đồng/giấy	
Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo UBND xã	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Trà kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,25 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân và thu phí)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			02 ngày làm việc		

8. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện. Mã thủ tục: 1.003930– Một phần

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,25 ngày làm việc	70.000 đồng/giấy	
Bước 2	Thẩm duyệt	Phòng Kinh tế hoặc kinh tế, hạ tầng và đô thị	01 ngày làm việc		
Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo UBND xã	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Trà kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,25 ngày		

			làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân và thu phí)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			02 ngày làm việc		

9. Xóa đăng ký phương tiện. Mã thủ tục: 2.001659– Một phần

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,25 ngày làm việc	Không có	
Bước 2	Thẩm duyệt	Phòng Kinh tế hoặc kinh tế, hạ tầng và đô thị	01 ngày làm việc		
Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo UBND xã	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,25 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			02 ngày làm việc		

10. Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung. Mã thủ tục: 1.005040- Một phần

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	30 phút	Không có	
Bước 2	Thẩm định hồ sơ; đề xuất nội dung giải quyết	Đội CSGT đường thủy thuộc Phòng CSGT tỉnh hoặc UBND gần nhất nơi xảy ra tai nạn, sự cố	60 phút		
Bước 3	Trình phê duyệt	Đội trưởng CSGT đường thủy hoặc UBND gần nhất nơi xảy ra tai nạn, sự cố	10 phút		
Bước 4	Phê duyệt	Trưởng phòng CSGT tỉnh hoặc UBND gần nhất nơi xảy ra tai nạn, sự cố	10 phút		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	10 phút		
Tổng cộng thời gian giải quyết			120 phút		

III. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ				
1. Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác. Mã thủ tục - 1.013061- Một phần				
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận	0.5 ngày làm việc	Không có
Bước 2	Giải quyết hồ sơ	Phòng Kinh tế hoặc kinh tế, hạ tầng và đô thị	04 ngày làm việc	
Bước 3	Ký trình	Lãnh đạo phòng	01 ngày làm việc	
Bước 4	Ký duyệt	Lãnh đạo UBND xã	01 ngày làm việc	
Bước 5	trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0.5 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân)	
Tổng cộng thời gian giải quyết			07 ngày làm việc	